TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 3 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Bà Nguyễn Kim Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Tân B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Phú T, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hoà hợp trong cuộc sống, gia đình hai bên đã tổ chức hoà giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn do không cùng quan điểm trong hôn nhân nên không đem lại hạnh phúc cho nhau, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/7/2009 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 29/6/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu H, giao cháu V cho anh Đ nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo chị H xác định quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hoà hợp trong cuộc sống, gia đình hai bên đã tổ chức hoà giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Từ nguyên nhân trên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Đối với anh Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị H cho thấy anh không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp và đúng quy định.

[3] Về con chung: Xét thấy hiện nay cháu H đang sống cùng với chị H, cháu V đang sống cùng với anh Đ, chị H yêu cầu nuôi cháu H và giao cháu V cho anh Đ nuôi. Tại đơn trình bày nguyện vọng của hai cháu thể hiện: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu H có nguyện vọng sống với chị H, cháu V có nguyện vọng sống với anh Đ, anh Đ không có ý kiến gì về vấn đề này.

Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu H cho chị H và giao cháu V cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có, anh Đ không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/7/2009 cho chị H và giao Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 29/6/2011 cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị H và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003069 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- UBND xã T, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Ngọc Sơn	**Nguyễn Kim Huệ**	**Hồ Dũng Liêm**